

Bản án số:197/2020/HS-ST

Ngày 19 - 6 - 2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Châu

2. Bà Võ Thị Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2020/HSST, ngày 10/03/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2639/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Kim Đ, giới tính: Nữ; sinh 1996 tại tỉnh AG; nơi ĐKTT: 813, Tổ 33, ấp CH, xã BL, huyện CP, tỉnh AG; chỗ ở: không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVD và bà LTBT (đã chết); bị cáo có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 2014 nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 26/9/2018 “có mặt”.

2. Lê Nhân T, sinh năm 1992 tại Thành phố H; nơi ĐKTT: 18/8 Đường 18, phường BTT, Quận E, Thành phố H; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LTQ và bà NTC; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 26/9/2018 “có mặt”.

*Người bào chữa:*

1. Bà Cao Thị KT, Luật sư Văn phòng Luật sư KT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Thị Kim Đ “có mặt”.

2. Ông Đỗ Ngọc O, Luật sư Văn phòng Luật sư Đỗ Ngọc O thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Nhân T “có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 19 giờ 30 phút ngày 26/9/2018, tại trước khách sạn HD số 70/7 đường số 56, khu phố 3, phường BTĐ, Quận E, Thành phố H; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an Quận E phát hiện bắt quả tang Lê Thị Kim Đ và Lê Nhân T đang có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán cho người khác. Vật chứng thu giữ trong túi quần bên phải Đ đang mặc có 02 gói nylon chứa ma túy thể rắn, có khối lượng 68,6761 gam, loại Methamphetamine; Thu trong balo của Đ 01 gói nylon chứa 03 viên nén ma túy thể rắn, có khối lượng 1,204 gam, loại MDMA. Thu giữ trong túi quần T đang mặc có 01 gói nylon chứa ma túy thể rắn, có khối lượng 2,2524 gam, loại Methamphetamine. Kiểm tra xe ô tô biển số 79A- 150.72 do T điều khiển thu giữ có 02 ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy.

Lê Thị Kim Đ khai nhận mua ma túy của một đối tượng tên L tại địa chỉ số 4 PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận 2 đã tiến hành đưa Lê Thị Kim Đ đi xác định địa chỉ, chỗ ở của L tại địa chỉ nói trên. Kết quả xác minh tại địa chỉ số 4 PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H có đối tượng tên Nguyễn Phương L tạm trú từ ngày 24/9/2018, nhưng tại thời điểm kiểm tra không có mặt L tại nhà. Xác minh tại Công an phường TB, quận TĐ thì được biết đối tượng tên Nguyễn Phương L (Sinh 1988, HKTT: số 89 đường 12, khu phố 4, phường TB, quận TĐ). Hiện tại L không có ở địa phương và đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Quận 2 đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở L tại số 4, PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H. Tại thời điểm khám xét không có L ở nhà. Thu giữ: 02 gói nylon chứa chất tinh thể không màu có khối lượng là 3,8206g, không tìm thấy chất ma túy; 01 gói nylon chứa chất bột màu xanh là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 50,6391 gam, loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine; 01 gói nylon chứa chất bột màu nâu có khối lượng 3,8806 gam, không tìm thấy chất ma túy; 01 máy xay bằng kim loại bên trong có chứa chất bột màu trắng là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 207,04 gam, loại MDMA; 01 bình gas có gắn đầu khò; 01 bình thủy tinh sử dụng ma túy; 01 bình thủy tinh màu xanh; 01 cây kéo; 01 ống kim loại; 02 quạt gas.

Toàn bộ số ma túy thu giữ của Lê Thị Kim Đ; Lê Nhân T và tại số 4, PPT, Phường 10, Quận 5, Tp. H đã được trưng cầu giám định, kết quả thể hiện tại Bản kết luận giám định số 1605/KLGD-H ngày 03/10/2018; Số 1606/KLGD-H ngày 03/10/2018; Số 1606/KLGD-H ngày 03/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 90, 91, 92).

Quá trình điều tra xác định:

Lê Thị Kim Đ khai nhận bắt đầu mua bán ma túy từ giữa tháng 8/2018. Nguồn ma túy của Đ là mua của đối tượng tên L (không rõ lai lịch) bạn bè ngoài xã hội. L có giới thiệu với Đ là có mua bán ma túy, nếu cần thì liên hệ mua. Thông qua L, Đ quen biết Lê Nhân T là tài xế xe taxi và có xin số điện thoại T để khi Đ cần chở đi giao ma túy thì liên hệ. Sau đó, Đ đã bán ma túy cho một người tên P (không rõ lai lịch) được 03 lần cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Khoảng giữa tháng 8/2018, P gọi điện thoại cho Đ hỏi mua 20 gam ma túy đá, Đ hẹn sẽ báo giá sau. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho L hỏi mua 20 gam ma túy đá, L báo giá 9.600.000 Đ và hẹn giao ma túy đá ở phòng thuê số 4 PPT, Phường 10, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh. Đ Đ ý mua và sau khi nhận ma túy đá xong. Đ điện thoại báo giá cho P là 11.000.000 Đ hẹn giao nhận ma túy tại khu vực khách sạn Hải Đăng, Quận E, P đồng ý mua. Đ điện thoại cho Lê Nhân T qua đón để đi giao ma túy cho P. Khi đến điểm hẹn, Đ giao ma túy đá cho P và nhận tiền. Khi giao ma túy xong, T chở Đ về khu vực Quận 5 để trả tiền cho L và chở Đ về quận TĐ.

Lần thứ 2: Khoảng đầu tháng 9/2018 P điện thoại cho Đ hỏi mua 30 gam ma túy đá và cách thức giao dịch như lần đầu lần. Đ tiếp tục mua của L 30 gam ma túy đá giá 13.000.000đ bán lại cho P giá 16.500.000đ.

Lần thứ 3: Vào chiều ngày 25/9/2018, P gọi điện thoại cho Đ hỏi mua 65 gam ma túy đá, Đ đồng ý bán hẹn sẽ báo giá sau. Đ liên hệ mua ma túy của L, L báo giá 25.000.000 Đ và kêu qua phòng thuê ở số 4 PPT, Phường 10, Quận 5, Tp. H để nhận ma túy. Khi đến nơi, L kêu Đ chờ tại phòng để L đi ra ngoài lấy ma túy đá đem về. Đ ở tại phòng thuê của L đến khoảng chiều ngày 26/9/2018 thì L về. Lúc này, L đưa cho T giữ dùm số ma túy đá để đưa cho Đ bán cho P vì Đ đang tắm. Khi tắm xong, T đưa lại Đ số ma túy mà L giao cho Đ. Đ bỏ 02 gói ma túy đá lớn vào túi quần, còn 01 gói ma túy đá nhỏ Đ đưa cho T giữ dùm để sử dụng nếu có khách hỏi mua thì bán. Đ điện thoại báo giá cho P là 38.000.000 đồng, P đồng ý mua và cũng hẹn giao ma túy tại khu vực khách sạn HĐ, Quận 2. Ngoài ra, Đ còn đem theo 03 viên thuốc lắc trước đó do một người tên My (không rõ lai lịch) cho Đ để sử dụng nếu có khách hỏi mua thì bán lại thu lời. Sau đó, T chở Đ mang theo toàn bộ số ma túy như đã nêu trên đi đến điểm hẹn, khi đến nơi thì bị cơ quan Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ số ma túy như đã nêu trên. Khi đi bán ma túy, Đ đều liên hệ cho Lê Nhân T chở đi đến khu vực khách sạn Hải Đăng, Quận 2 để bán ma túy cho P. Mỗi lần bán ma túy xong, Đ đều trả tiền xe cho T là 1.000.000 đồng. Đ không cho T tiền về việc mua bán ma túy.

Riêng đối với toàn bộ số ma túy, vật chứng khi Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Quận 2 tiến hành khám xét khẩn cấp và thu giữ tại phòng thuê số 4 PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H thì Lê Thị Kim Đ khai nhận: Từ khoảng chiều ngày 25/9/2018 khi Đ ở lại phòng thuê đến khi Cơ quan công an tiến hành khám xét thì mới phát hiện toàn bộ vật chứng mà cơ quan Công an đã thu giữ. Đ chỉ biết phòng thuê số 4 do L ở nên nghĩ là của L và không biết là của ai.

Lê Nhân T khai nhận: Bản thân có sử dụng ma túy đá và làm tài xế chạy xe taxi Grab. Trong quá trình chạy xe taxi Grab thì T có quen biết với L và chở L đi nhiều lần. Thông qua L, T quen biết với Đ và có chở Đ đi được 04 lần để Đ đi bán ma túy vì khi chở Đ đi, T nghe Đ điện thoại giao dịch mua bán ma túy nên T biết Đ có mua bán ma túy. Còn 01 gói ma túy có khối lượng 2,2524 gam, loại Methamphetamine T cất giữ trong túi quần bị bắt quả tang là của Đ nhờ T giữ dùm để cả hai sử dụng nếu có khách hỏi mua thì bán lại. Lời khai của T là phù hợp với lời khai của Đ.

Nguyễn Phương L khai nhận: Bản thân có quen biết với Lê Thị Kim Đ, Lê Nhân T nhưng không thừa nhận việc đã mua bán ma túy cho Đ cùng việc đã đưa ma túy đá cho T để giao lại cho Đ đem bán cho khách. L không phải là người trực tiếp thuê phòng tại số 4, PPT, Phường 10, Quận 5. Khi Nguyễn Phương L đang tập trung cai nghiện tại Cơ sở xã hội thanh thiếu niên 2, huyện CC về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” do Công an quận 4 bắt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tiến hành ghi lời khai Nguyễn Phương L và cho L thực hiện đối chất với Đ, T. Quá trình lấy lời khai, L chỉ thừa nhận có quen biết với Đ, T nhưng không thừa nhận có thực hiện mua bán ma túy đối với Lê Thị Kim Đ. Đối với toàn bộ số ma túy, vật chứng thu giữ tại phòng thuê số 4 PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H, Nguyễn Phương L không biết là của ai và không có thuê phòng số 4 PPT, phường 10, quận 5, Thành phố H.

Ngày 11/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 63 – 55 về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đến ngày 21/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H ra Quyết định tách vụ án hình sự số 623 – 13 đối với phần vật chứng thu giữ khi khám xét tại phòng thuê số 4, PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H thành một vụ án riêng để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với đối tượng tên P do Đ khai không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

\* Vật chứng của vụ án: Đã được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số 472/PNK/2018, ngày 26/12/2018; 473/PNK/2018, ngày 26/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Gồm có:

1. Tạm giữ của Lê Thị Kim Đ:

- 01 gói niêm phong số 1605 bên ngoài có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung (có kèm sim) Đ khai nhận dùng để liên lạc cá nhân và mua bán ma túy.

2. Thu giữ của Lê Nhân T:

- 01 gói niêm phong số 1606 bên ngoài có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung T khai nhận dùng để liên lạc cá nhân.

- 02 ống thủy tinh.

- 01 xe ô tô biển số 79A – 150.72, hiệu KIA, số khung: KNADN412H6101695; số máy: G4FAHS15615301. Kết quả giám định tại Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh được biết xe có số khung, số máy nguyên thủy. Kết quả xác minh nguồn gốc xe ô tô được biết: Xe ô tô do ông Nguyễn Xuân TR (Sinh năm 1991; HKTT tổ dân phố MT, phường NH, thị xã NH, tỉnh KH) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành ghi lời khai ông TR về nguồn gốc xe được biết: Xe trên do ông Trí mua vào khoảng năm 2017 để dùng làm phương tiện đi lại và cho thuê theo dạng thuê tháng. Đến khoảng tháng 8/2018, Lê Nhân T có liên hệ với ông Trí để thuê xe ô tô nói trên để chạy Grab. Ông Trí Đ ý và cả hai đã ký hợp Đ cho thuê xe ô tô với giá tiền 10.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 22/8/2018. Khi làm hợp Đ, T đã đặt cọc tiền thuê là 10.000.000 đồng, lời khai của Lê Nhân T về nguồn gốc xe là phù hợp với ông Nguyễn Xuân TR. Ngày 24/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng để bàn giao xe tang vật cho ông Nguyễn Xuân TR để quản lý và bảo quản theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 454/CT-VKS-P1 ngày 28/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị cáo Lê Thị Kim Đ và Lê Nhân T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để bán cho người khác, bắt quả tang thu giữ 72,2325gam, loại Methamphetamine và MDMA.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại địa chỉ phòng thuê số 4, PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 623 – 13 đối với phần vật chứng thu giữ khi khám xét tại phòng thuê số 4, PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H thành một vụ án riêng để tiếp tục điều tra làm rõ. Do vậy, Cáo trạng đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim Đ và Lê Nhân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Lê Thị Kim Đ và Lê Nhân T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H truy tố. Bị cáo Đ khai nhận là người thuê bị cáo T chở đi mua bán ma túy, mỗi lần trả cho T 1.000.000 đồng tiền công, bị cáo mua bán ma túy lần thứ 3 thì bị bắt. Bị cáo Lê Nhân T khai nhận được L giới thiệu chở Đ đi 3 lần để lấy tiền công, đến lần thứ 2 thì bị cáo biết Đ mua bán ma túy do trên xe Đ có gọi điện trao đổi mua bán ma túy, ngoài 1.000.000 đồng/ lần chở Đ đi, Đ còn cho bị cáo ma túy để sử dụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận đã phân tích tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Thị Kim Đ, Lê Nhân T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Đ 15 đến 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo Đ 5.000.000 Đ để nộp ngân sách nhà nước;

Căn cứ điểm b khoản 3 khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Nhân T từ 12 đến 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo T 5.000.000 Đ để nộp ngân sách nhà nước;

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Thông nhất với quan điểm truy tố về tội danh và điều khoản của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, trình độ học vấn thấp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn cho bị cáo hưởng mức án nhẹ.

Luật sư Cao Thị KT bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kim Đ trình bày:

Thông nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đ. Xin xem xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, ly hôn chồng phải đi làm kiếm tiền nuôi con, mẹ bị cáo đã mất khi bị cáo 13 tuổi, khi phạm tội bị cáo mang thai hơn 3 tháng, sinh con và nuôi con trong trại giam, hiện gửi cho ba bị cáo nuôi con, văn hóa 11/12 nên nhận thức hạn chế, phạm tội bị bắt quả tang nên thu lợi chưa có, đề nghị xem xét áp dụng điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa cho bị cáo Lê Nhân T trình bày:

Thông nhất với tội danh, điều luật truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chạy xe chở Đ đi mua bán mục đích để lấy tiền công chạy xe, sau quen biết được Đ cho ma túy sử dụng, việc giao dịch mua bán, số lượng giá cả bị cáo không biết nên truy tố với vai trò đồng phạm thứ yếu luật sư thống nhất. Hoàn cảnh gia đình bị cáo cha mẹ ly hôn, hiện mẹ bị bệnh nặng nên xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hơn mức Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp:

Các Luật sư đều thống nhất với tội danh và điều khoản truy tố, các tình tiết giảm nhẹ các Luật sư nêu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo Đ nuôi 3 con nhỏ nên xin xem xét miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

- Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến của mình đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung.

- Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Lê Thị Kim Đ và Lê Nhân T tại phiên tòa cơ bản phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, kết luận giám định, bản tự khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: vào lúc 19 giờ 30 ngày 26/9/2018, tại trước khách sạn Hải Đăng số 70/7 đường số 56, khu phố 3, phường BTĐ, Quận 2, Tp. H Lê Thị Kim Đ và Lê Nhân T đã có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để bán cho người khác. Hành vi trên bị bắt quả tang, thu giữ của Đ 02 gói nylon chứa ma túy thể rắn, có khối lượng 68,6761 gam, loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 03 viên nén ma túy thể rắn, có khối lượng 1,204 gam, loại MDMA. Thu giữ của T 01 gói nylon chứa ma túy thể rắn, có khối lượng 2,2524 gam, loại Methamphetamine. Như vậy, Lê Thị Kim Đ và Lê Nhân T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với toàn bộ số ma túy thể rắn bị thu giữ khi mang ma túy đi bán tổng cộng là: 68,6761 gam, loại Methamphetamine; 01 gói nylon chứa 03 viên nén ma túy thể rắn, có khối lượng 1,204 gam, loại MDMA và 01 gói nylon chứa ma túy thể rắn, có khối lượng 2,2524 gam, loại Methamphetamine. Tổng cộng: 72,2325gam, loại Methamphetamine và MDMA.

Hành vi của các bị cáo Lê Thị Kim Đ, Lê Nhân T đã cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam”, tội phạm, hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cao cho xã hội, đã xâm hại chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây tác hại xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật trừng phạt nghiêm khắc, nhưng vì thu lợi nhuận cao đã bất chấp hậu quả và cố ý phạm tội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Theo giấy khai sinh số 132 ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân Phường 13, Quận 10, Thành phố H thì bé Lê Trung N con của bị cáo Lê Thị Kim Đ sinh ngày 07/3/2019 do đó bị cáo Lê Thị Kim Đ phạm tội khi đang mang thai nên cần áp dụng điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ. Do bị cáo Lê Thị Kim Đ có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Bị cáo Lê Nhân T là người thực hành, người giúp sức cho bị cáo Đ nên mức độ Đ phạm tham gia có phần hạn chế, do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo, tính chất, mức độ, động cơ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, xét cần có mức án nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội thời gian dài, nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo Đ, T.

Trên đây cũng là quan điểm lập luận của Hội đồng xét xử đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của Luật sư đối với bị cáo.

[5] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với hành vi của Nguyễn Phương L và số ma túy thu giữ tại địa chỉ 4 PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 623 – 13 đối với phần vật chứng thu giữ khi khám xét tại phòng thuê số 4, PPT, Phường 10, Quận 5, Thành phố H thành một vụ án riêng để tiếp tục điều tra làm rõ nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét về xử lý vật chứng, án phí:

Điện thoại thu giữ của các bị cáo xét dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

- Số vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.



Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2018

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Lê Nhân T 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2018

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại Samsung (có kèm sim), số imei: ...239/8, màu xanh, bề nát

- 01 điện thoại Samsung màu đen, số imei: ...648/3

Tịch thu và tiêu hủy:

-02 gói niêm phong số 1605, 1606 bên ngoài có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong là ma túy còn lại sau giám định

- 02 gói niêm phong số 1607 (gói 1, gói 2 ) bên ngoài có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định.

- 02 ống thủy tinh, 01 bình ga có gắn đầu khò, 01 bình thủy tinh sử dụng ma túy, 01 bình thủy tinh màu xanh, 01 cây kéo, 01 ống kim loại và 02 quẹt ga

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 69/20 ngày 13/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 Đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;

(1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Luật sư; (2)
- THAHS TP.HCM; (2)
- CA TP. HCM; (1)
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (6) (24)

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hà**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi.....giờ.....phút ngày 19 tháng 6 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Châu

2. Bà Võ Thị Nam

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2020/HSST, ngày 10/03/2020, đối với bị cáo:

1/ Lê Thị Kim Đ, giới tính: Nữ; sinh 1996 tại tỉnh An Giang; nơi ĐKTT: 813, Tổ 33, Ấp Chánh Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2/ Lê Nhân T, sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: 18/8 Đường 18, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC  
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: ...../.... Đ ý.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do Luật sư, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: ...../.... Đ ý.

3. Đủ căn cứ kết tội.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị Kim Đ

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Nhân T

Kết quả biểu quyết: ...../..... Đ ý.

4. Hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2018

Xử phạt bị cáo Lê Nhân T 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2018

Kết quả biểu quyết ...../..... Đ ý.

5. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt. Kết quả biểu quyết ...../..... Đ ý.

6. Xử lý vật chứng, án phí.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại Samsung (có kèm sim), số imei: ...239/8, màu xanh, bề nát
- 01 điện thoại Samsung màu đen, số imei: ...648/3

Tịch thu và tiêu hủy:

- 02 gói niêm phong số 1605, 1606 bên ngoài có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong là ma túy còn lại sau giám định
- 02 gói niêm phong số 1607 (gói 1, gói 2 ) bên ngoài có chữ ký của giám định viên và cán bộ điều tra Nguyễn Hữu P bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định.

- 02 ống thủy tinh, 01 bình ga có gắn đầu khò, 01 bình thủy tinh sử dụng ma túy, 01 bình thủy tinh màu xanh, 01 cây kéo, 01 ống kim loại và 02 quẹt ga (Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 69/20 ngày 13/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 Đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: ...../..... Đ ý.

7. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Kết quả biểu quyết: ...../..... Đ ý.

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không. Kết quả biểu quyết: ...../..... Đ ý.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hà**